

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT AN KHÊ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT AN KHÊ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110088215

3. Ngày thành lập: 11/08/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

37 Nguyễn Ngọc Vũ, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913312123

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
10.	Bán mô tô, xe máy	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa. (Trừ môi giới bất động sản)	4610

14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)	4620
15.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng; Bán buôn sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm chức năng, sản phẩm sinh học (không hoạt động tại trụ sở)	4632
16.	Bán buôn đồ uống	4633
17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn trang thiết bị, dụng cụ y tế; Bán buôn thành phẩm tân dược, nguyên liệu, dược liệu	4649
19.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
20.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, dụng cụ, thiết bị y tế	4659
23.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4661
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ phế thải kim loại và mua bán vàng miếng)	4662
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	4663
26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn các sản phẩm từ nhựa; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy; Bán buôn tinh dầu, hương liệu (không hoạt động tại trụ sở)	4669
27.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (Không hoạt động tại trụ sở)	0118
28.	Trồng cây hàng năm khác (Không hoạt động tại trụ sở)	0119
29.	Trồng cây ăn quả (Không hoạt động tại trụ sở)	0121
30.	Trồng cây lâu năm khác (Không hoạt động tại trụ sở)	0129
31.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm (Không hoạt động tại trụ sở)	0131
32.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm (Không hoạt động tại trụ sở)	0132

33.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
34.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
35.	Xử lý hạt giống để nhân giống (Không hoạt động tại trụ sở)	0164
36.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
37.	Khai thác gỗ (Không hoạt động tại trụ sở)	0220
38.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (Không hoạt động tại trụ sở)	0231
39.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ (Không hoạt động tại trụ sở)	0232
40.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
41.	Khai thác quặng sắt (Không hoạt động tại trụ sở)	0710
42.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium (Không hoạt động tại trụ sở)	0721
43.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng - Đoàn thể)	8559
44.	Lập trình máy vi tính	6201
45.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (Trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet)	6202
46.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
47.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
48.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
49.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Trừ các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399
50.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản; Tư vấn bất động sản(Theo quy định tại khoản 2 và khoản 8 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản)	6820
51.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
52.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
53.	Quảng cáo	7310
54.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Trừ thiết kế công trình xây dựng, giám sát thi công, khảo sát xây dựng)	7410
55.	Hoạt động nhiếp ảnh Chi tiết: Dịch vụ chụp hình, quay phim	7420

56.	Cho thuê xe có động cơ	7710
57.	Bán buôn tổng hợp (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở)	4690
58.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở)	4719
59.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
60.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
61.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
62.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
63.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4730
64.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Không hoạt động tại trụ sở)	0722
65.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Trừ khai thác vàng)	0730
66.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở)	0810
67.	Khai thác và thu gom than bùn (Không hoạt động tại trụ sở)	0892
68.	Chế biến và bảo quản rau quả (Không hoạt động tại trụ sở)	1030
69.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (Không hoạt động tại trụ sở)	1040
70.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng (Không hoạt động tại trụ sở)	1079
71.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan và không gia công hàng đã qua sử dụng, thuộc da, luyện cán cao su tại trụ sở)	1410
72.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (Không hoạt động tại trụ sở)	1610
73.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Trừ chế biến gỗ, tái chế phế thải)	1621
74.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Trừ chế biến gỗ, tái chế phế thải)	1622
75.	Sản xuất bao bì bằng gỗ (Không hoạt động tại trụ sở)	1623

76.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (Trừ chế biến gỗ, tái chế phế thải)	1629
77.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (Không hoạt động tại trụ sở)	1701
78.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (Không hoạt động tại trụ sở)	1702
79.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Không hoạt động tại trụ sở)	1709
80.	In ấn (Không hoạt động tại trụ sở và trừ in tráng bao bì kim loại, in ấn trên sản phẩm vải, sợi, dệt, may)	1811
81.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
82.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Không hoạt động tại trụ sở)	2011
83.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Không hoạt động tại trụ sở) (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)	2013
84.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	2021
85.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít (Không hoạt động tại trụ sở)	2022
86.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (Trừ sản xuất và tồn trữ hóa chất tại trụ sở)	2023
87.	Sản xuất sản phẩm từ plastic (Trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b và không hoạt động tại trụ sở)	2220
88.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở)	2395
89.	Đúc sắt, thép (không hoạt động tại trụ sở)	2431
90.	Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2511
91.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2591
92.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2592
93.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng (không hoạt động tại trụ sở)	2740

94.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp (không hoạt động tại trụ sở)	2816
95.	Sản xuất máy chuyên dụng khác (không hoạt động tại trụ sở)	2829
96.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
97.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
98.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí)	4789
99.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí;)	4791
100.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở;)	4799(Chính)
101.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
102.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
103.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
104.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
105.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
106.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
107.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5222
108.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
109.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ kinh doanh bến bãi ô tô và hóa lỏng khí để vận chuyển)	5225
110.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô và hóa lỏng khí để vận chuyển và dịch vụ liên quan đến vận tải đường hàng không)	5229
111.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
112.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
113.	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ hoạt động bar và quán giải khát có khiêu vũ và trừ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không)(Trừ hoạt động bar và quán giải khát có khiêu vũ và trừ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không)	5629

114.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; Không sử dụng chất nổ, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	5911
115.	Hoạt động hậu kỳ (Không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; Không sử dụng chất nổ, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	5912
116.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Hoạt động ghi âm (trừ karaoke)	5920
117.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
118.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động giới thiệu việc làm	7810
119.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
120.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)	7830
121.	Đại lý du lịch	7911
122.	Điều hành tua du lịch	7912
123.	Vệ sinh chung nhà cửa (Trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8121
124.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8129
125.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
126.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở)	3100
127.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (không hoạt động tại trụ sở)	3250
128.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất khẩu trang y tế, khẩu trang kháng khuẩn các loại; Sản xuất găng tay y tế, găng tay kháng khuẩn các loại (Không hoạt động tại trụ sở)	3290
129.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa thiết bị y tế; Sửa chữa thiết bị cơ điện lạnh (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312
130.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3313
131.	Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3314

132.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3320
133.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở)	3600
134.	Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)	3700
135.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3821
136.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3822
137.	Xây dựng nhà để ở	4101
138.	Xây dựng nhà không để ở	4102
139.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
140.	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
141.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
142.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
143.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
144.	Xây dựng công trình thủy	4291
145.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
146.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
147.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
148.	Phá dỡ	4311
149.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
150.	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
151.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
152.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
153.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
154.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
155.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
156.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
157.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Có nội dung được phép lưu hành)	4761

